

CHĂN NUÔI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP

Võ Thị Phương Nhung¹, Đỗ Thị Thúy Hằng²

^{1,2}Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Đến nay, Việt Nam đã tham gia ký kết 11 hiệp định thương mại và đang đàm phán 5 Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Trước bối cảnh Việt Nam tham gia hội nhập sâu rộng, mọi ngành nghề, thành phần kinh tế đều có những lợi thế và cơ hội nhất định, song hành cùng với đó là những khó khăn và thách thức trước thềm hội nhập. Ngành chăn nuôi nước ta đã và đang phát triển chậm chạp, nay lại phải đối mặt với rất nhiều thử thách cam go. Trước bối cảnh mới, tác giả đã đánh giá đặc điểm của ngành chăn nuôi Việt Nam, chỉ ra được những cơ hội và thách thức cho chăn nuôi. Từ đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp về kỹ thuật, tổ chức sản xuất, thị trường đầu ra và giải pháp về chính sách giúp chăn nuôi Việt Nam chủ động hội nhập.

Từ khóa: Chăn nuôi, giải pháp, hội nhập.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm 2015 được coi là một năm rất quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đây cũng là năm khởi đầu của lộ trình cắt giảm thuế quan ở mức cao nhất và tiến tới thực hiện cam kết cuối cùng về xóa bỏ thuế suất thuế nhập khẩu trong các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết như Hiệp định ATIGA vào năm 2018, ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) năm 2020 và ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA) năm 2021. Trong thời gian tới, Việt Nam sẽ tiếp tục đàm phán 5 FTA gồm Hiệp định Việt Nam - EU, Việt Nam - Hồng Kông, Việt Nam - Israel, Việt Nam - Bốn nước Bắc Âu (EFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP).

Việc ký kết các hiệp định thương mại tự do sẽ mở ra cơ hội lớn cho hàng hóa Việt Nam xâm nhập thị trường khu vực và thế giới, nhưng đi cùng với đó là những thách thức không nhỏ mà Việt Nam cần phải vượt qua để tận dụng lợi thế từ các FTA. Ngành chăn nuôi cũng không nằm ngoài vòng quay đó. Một số vấn đề đặt ra khi hội nhập của ngành chăn nuôi là: chất lượng sản phẩm chăn nuôi kém, không đồng đều, tổ chức sản xuất chưa tập trung, kém hiệu quả, thiếu thông tin và liên kết chuỗi.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, chăn nuôi được coi là ngành kinh tế bị tổn thương nhiều nhất khi nước ta tham gia một loạt các Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương.

Để chủ động hội nhập, ngành chăn nuôi Việt Nam cần nhận thức được những lợi thế, yếu điểm và tác động của việc gia nhập các hiệp định thương mại tự do. Do vậy, bài viết tác giả đi sâu vào nhận định các cơ hội và thách thức của ngành chăn nuôi trong bối cảnh hội nhập. Từ kết quả nghiên cứu này, những giải pháp sẽ được đề xuất và áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế của ngành chăn nuôi Việt Nam.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Đặc điểm ngành chăn nuôi Việt Nam.
- Những khó khăn thách thức ngành chăn nuôi phải đối mặt và những cơ hội trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới.
- Giải pháp chủ động hội nhập cho ngành chăn nuôi Việt Nam.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập số liệu: tài liệu, số liệu được sử dụng trong bài viết này chủ yếu được kế thừa từ các nghiên cứu đã được công bố trên sách, báo, tạp chí, hội thảo và các trang

thông tin điện tử chính của các bộ, ngành, tổ chức liên quan.

- Phương pháp xử lý số liệu: tổng hợp các thông tin, tài liệu thu thập được, tham vấn ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm ngành chăn nuôi Việt Nam

Chăn nuôi là một ngành nông nghiệp truyền thống của Việt Nam. Mặc dù có thời gian phát triển rất lâu đời nhưng trình độ phát triển của ngành chăn nuôi Việt Nam vẫn ở mức thấp và tốc độ tăng trưởng chậm. Ngành chăn nuôi vẫn mang những đặc điểm cố hữu từ một ngành truyền thống của nông nghiệp Việt Nam như:

Thứ nhất là phần lớn quy mô chăn nuôi manh mún, nhỏ lẻ và rời rạc, chưa có nhiều khu chăn nuôi tập trung. Hộ chăn nuôi nhỏ và siêu nhỏ chiếm tỷ lệ cao, chăn nuôi nông hộ đang chiếm 65 - 70% về đầu con. Theo báo cáo của tổng cục thống kê năm 2011, số hộ nuôi lợn quy mô nhỏ (< 10 con/hộ) chiếm tới 86,4% tổng số hộ, còn gia cầm số hộ nuôi quy mô nhỏ (< 100 con/hộ) chiếm 89,6%. Đặc điểm này là yếu tố dẫn đến những hệ lụy tiêu cực về đặc điểm của ngành chăn nuôi.

Thứ hai là kỹ thuật chăn nuôi và chế biến ở mức thấp. Do xuất phát từ chăn nuôi nông hộ nên các chủ cơ sở chưa tiếp cận nhiều với kỹ thuật chăn nuôi, con giống mới và tiên tiến. Do kỹ thuật chăn nuôi thấp nên cũng dẫn đến việc chủ động trong phòng chống dịch bệnh thấp và rủi ro trong chăn nuôi cũng rất cao. Các cơ sở giết mổ chưa tập trung và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Theo điều tra của LIFSAP, 70% thịt cung ra thị trường có chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm thấp. Số lượng các cơ sở giết mổ hoạt động dưới sự quản lý của các cơ quan chức năng còn hạn chế và trên thực tế có rất nhiều cơ sở giết mổ không có giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm và không có sự quản lý của các cơ quan chức năng. Các nguyên nhân trên dẫn đến chất lượng sản phẩm từ chăn nuôi thấp và không có

tính cạnh tranh cao.

Thứ ba là không chủ động nguồn thức ăn trong chăn nuôi. Theo thống kê của Cục chăn nuôi (Bộ NN&PTNT), trong năm 2014 có tới hơn 80% tổng lượng thức ăn chăn nuôi hỗn hợp là nguyên vật liệu nhập khẩu.

Thứ tư là đầu ra không ổn định, giá thành cao, hiệu quả thấp. Nguồn nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi hầu hết được nhập khẩu từ nước ngoài đẩy giá thành thức ăn chăn nuôi lên mức cao, cộng thêm giá cả và sức mua đầu ra không ổn định là nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận từ chăn nuôi thấp.

Thứ năm là chăn nuôi lợi thế có nhiều giống đặc sản. Mỗi vùng miền của Việt Nam đều có lợi thế đặc sản riêng như: gà đồi Yên Thế, Bưởi Diên, Bưởi Năm Roi, Cam Cao Phong... Bên cạnh đó ngành chăn nuôi còn có lợi thế là tập quán tiêu dùng thực phẩm tươi sống nên ngành chăn nuôi vẫn còn cơ hội tồn tại và phát triển.

Trên đây là những đặc điểm cơ bản của ngành chăn nuôi Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới, đưa đến cho ngành chăn nuôi không ít thách thức và cơ hội phát triển.

3.2. Thực trạng ngành chăn nuôi Việt Nam trong những năm gần đây

Từ năm 2010 đến nay, ngành chăn nuôi của Việt Nam có mức sản lượng tăng đều mà tốc độ tăng khá tốt. Trong các sản phẩm thịt từ gia súc thì thịt lợn vẫn chiếm ưu thế, hầu hết sản lượng đều gấp rất nhiều lần so với sản lượng thịt từ bò và trâu. Bên cạnh đó sản phẩm sữa từ chăn nuôi bò có tốc độ tăng trưởng rất ấn tượng, bình quân 5 năm từ 2010 đến 2014 là 15,69% một năm.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm đang chuyển dịch theo hướng tích cực, từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, gia trại, ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật, tăng hiệu quả kinh tế. Theo kết quả điều tra chăn nuôi tại thời điểm 01/10/2015, đàn trâu cả nước có 2,5 triệu con,

tăng 0,1% so với cùng thời điểm năm trước; đàn bò có 5,4 triệu con, tăng 2,5%, riêng đàn bò sữa đạt 275,3 nghìn con, tăng 21%. Đàn lợn có 27,7 triệu con, tăng 3,7%; đàn gia cầm có 341,9 triệu con, tăng 4,3%. Sản lượng thịt hơi các loại năm nay ước tính đạt khá, trong đó sản

lượng thịt trâu đạt 85,8 nghìn tấn, tăng 0,1%; sản lượng thịt bò đạt 299,3 nghìn tấn, tăng 2,2%; sản lượng thịt lợn đạt 3,5 triệu tấn, tăng 4,2%; sản lượng thịt gia cầm đạt 908,1 nghìn tấn, tăng 3,8%.

Bảng 1. Sản lượng sản phẩm chăn nuôi chủ yếu giai đoạn 2010 - 2014

TT	Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Sản lượng các năm				
		2010	2011	2012	2013	2014
1	Thịt trâu hơi xuất chuồng (Nghìn tấn)	83,6	87,8	88,5	85,5	86,8
2	Thịt bò hơi xuất chuồng (Nghìn tấn)	278,9	287,2	293,9	285,4	292,5
3	Thịt lợn hơi xuất chuồng (Nghìn tấn)	3.036,4	3.098,9	3.160,0	3.228,7	3.330,6
4	Thịt gia cầm hơi giết, bán (Nghìn tấn)	615,2	696,0	729,4	774,7	828,2
5	Sữa tươi (Triệu lít)	306,7	345,4	381,7	456,4	549,5
6	Trứng gia cầm (Triệu quả)	6.421,9	6.896,9	7.299,9	7.754,6	8.297,5
7	Mật ong (Tấn)	11.944,4	11.803,9	12.364,7	12.883,0	14.218,0
8	Kén tằm (Tấn)	7.106,5	7.057,2	7.516,8	6.359,0	6.761,0

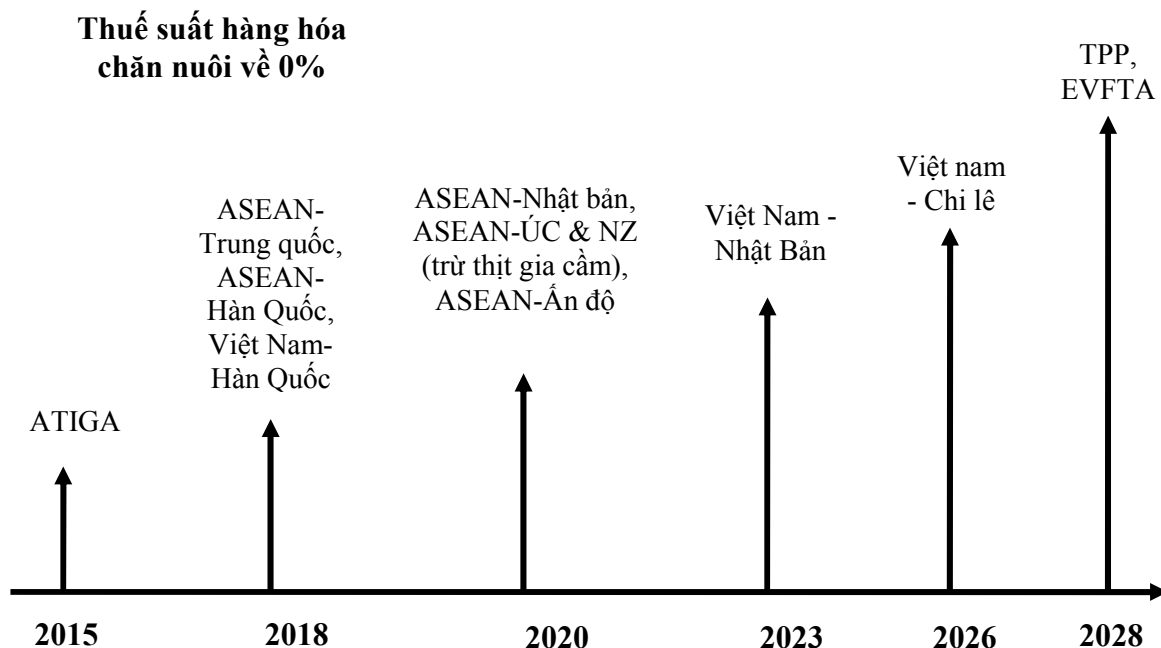
Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Tổng cục Thống kê

3.3. Tác động của hội nhập tới ngành chăn nuôi Việt Nam

3.3.1. Bối cảnh hội nhập

Khi Việt Nam tham gia hội nhập sâu nền kinh tế thế giới, ngành chăn nuôi sẽ được tiếp cận nhanh hơn các khoa học công nghệ mới,

giống vật nuôi mới, các sản phẩm mới, các hình thức sản xuất tiên tiến. Ngoài những nguồn lợi từ tham gia hội nhập, vấn đề quan trọng trong hầu hết các Hiệp định mà Việt Nam ký kết là mở cửa thị trường hàng hóa thông qua thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan.



Bảng 2. Lộ trình cắt giảm thuế quan hàng hóa chăn nuôi trong các FTA

Trong hầu hết các Hiệp định mà Việt Nam ký kết có đến gần 90% tổng số dòng thuế được tự do hóa (hay nói cách khác là thỏa thuận thuế quan lên mức cao nhất, thuế suất về 0%). Chỉ riêng Hiệp định ATIGA là có tỷ lệ gần 100% tổng số dòng thuế được tự do hóa. Việc hàng hóa được tự do hóa có tác động hai chiều đến nhiều ngành hàng không chỉ riêng ngành chăn nuôi.

3.3.2. Những lợi thế và cơ hội của ngành chăn nuôi Việt Nam khi tham gia hội nhập

Tham gia các FTA sẽ buộc Việt Nam phải hoàn thiện cơ chế chính sách tạo hành lang và tạo dựng môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp nước ngoài. Cơ quan quản lý chăn nuôi cả ở cấp trung ương lẫn địa phương và toàn bộ các tổ chức, các doanh nghiệp, trang trại và kể cả hộ chăn nuôi đều phải thay đổi tư duy; đổi mới, hoàn thiện hệ thống quản lý và phương thức sản xuất để tham gia hội nhập. Bên cạnh đó ngành chăn nuôi buộc phải nhanh chóng tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng liên kết chuỗi mang tính ổn định và gia tăng hiệu quả.

Tham gia các hiệp định thương mại tự do, sau khi có hiệu lực và khi các thỏa thuận thuế quan lên mức cao nhất là biểu thuế suất về 0%, ngành chăn nuôi sẽ được hưởng lợi khi nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, con giống, trang thiết bị chăn nuôi... từ các nước đối tác, góp phần giảm chi phí đầu vào trong chăn nuôi từ đó nâng cao hiệu quả cho ngành chăn nuôi.

Ngành chăn nuôi nước ta về lâu dài khi tham gia hội nhập có thể xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi có lợi thế xuất khẩu như thịt lợn và sản phẩm thịt lợn sang vùng Đông Bắc Á, vùng Đông Âu; trứng vịt muối sang một số nước ASEAN và Nam Á; mật ong sang Mỹ, EU... Ngành chăn nuôi cũng sẽ thu hút được nhiều dự án đầu tư mới vào ngành chăn nuôi, nhất là chăn nuôi công nghệ cao trong chăn nuôi.

3.3.3. Những điểm yếu và khó khăn của ngành chăn nuôi Việt Nam khi tham gia hội nhập

Với đặc điểm ngành chăn nuôi Việt Nam tồn tại nhiều hơn lợi thế cần phải nhận định rằng thách thức đối với ngành chăn nuôi khi tham gia hội nhập là quá lớn và gay gắt. Cụ thể:

Thứ nhất là sản xuất manh mún và quy mô nhỏ lẻ chiếm tỷ lệ cao: Có tới 65 - 70% chăn nuôi nông hộ và hộ chăn nuôi nhỏ và siêu nhỏ chiếm tỷ lệ rất cao. Chăn nuôi nông hộ quy mô nhỏ thường chịu rủi ro rất cao về dịch bệnh do ít chủ động phòng chống và hiệu quả kinh tế thấp. Chăn nuôi trang trại còn khiêm tốn về quy mô và mức đầu tư, tỷ lệ đầu tư công nghệ cao là rất thấp. Tỷ lệ chăn nuôi theo quy trình VietGAP còn khiêm tốn. Bên cạnh đó, doanh nghiệp chăn nuôi quá ít, quy mô nhỏ, vốn đầu tư vào chăn nuôi rất thấp.

Thứ hai là năng suất vật nuôi thấp, năng suất lao động thấp, giá thành cao. Đây là thách thức lớn nhất về cạnh tranh của ngành chăn nuôi khi tham gia hội nhập. Chăn nuôi ở Việt Nam có năng suất lao động quá thấp, chăn nuôi nhỏ lẻ, chất lượng con giống thấp, công nghệ chăn nuôi lạc hậu, chi phí đầu vào cao, dịch bệnh thường xuyên đe dọa, liên kết chuỗi chăn nuôi yếu, qua nhiều khâu trung gian và lãi suất ngân hàng quá cao... làm cho giá thành chăn nuôi ở nước ta cao dẫn đến khả năng cạnh tranh thấp.

Thứ ba là nguyên liệu đầu vào của ngành chăn nuôi phụ thuộc khá nhiều vào nguồn cung từ nước ngoài. Hiện nay, các loại nguyên liệu thức ăn giàu đạm như: khô dầu đậu tương, bột thịt – xương, bột cá...; riêng khoáng vi lượng, vitamin nhập gần như 100%. Vaccin trong chăn nuôi hầu hết được nhập khẩu. Thức ăn và vaccin trong chăn nuôi được sản xuất từ trong nước có giá thành cao.

Thứ tư là có quá ít cơ sở giết mổ đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, công nghệ chế

biến, bảo quản sản phẩm chăn nuôi còn thấp, quản lý chất lượng thực phẩm còn nhiều hạn chế. Hiện nay, hệ thống thống chăn nuôi quy mô nhỏ, mức độ vệ sinh an toàn thực phẩm thấp đang cung cấp ra thị trường gần 70% sản phẩm thịt. Trong khi đó, chăn nuôi thương mại quy mô lớn, công nghệ hiện đại, ATTP cao chỉ cung cấp trên 15% lượng thịt cho tiêu dùng.

Đây là vấn đề nổi cộm của ngành chăn nuôi. Khâu giết mổ và bảo quản quyết định rất lớn tới chất lượng sản phẩm chăn nuôi, từ đó tác động đến giá cả của mặt hàng này. Là điểm yếu của ngành chăn nuôi cần tập trung các giải pháp khắc phục khó khăn này.

Thứ năm, chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ trong ngành chăn nuôi còn hạn chế. Liên kết chuỗi trong chăn nuôi mới chỉ dừng lại ở các mô hình, chưa được nhân rộng và hoạt động kém hiệu quả do thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích. Do vậy, chưa giảm bớt được các khâu trung gian, đẩy giá thành chăn nuôi tăng cao. Thiếu liên kết chuỗi, các sản phẩm chăn nuôi chưa thể tăng được hiệu quả và phát triển ổn định.

Thứ sáu là sức cạnh tranh về chất lượng của sản phẩm trong nước so với sản phẩm chăn nuôi nhập khẩu bên cạnh đó phòng vệ thương mại của Việt Nam còn hạn chế. Giá thành sản xuất của sản phẩm chăn nuôi trong nước cao dẫn đến giá bán cao hơn các sản phẩm chăn nuôi nhập khẩu. Các sản phẩm nhập khẩu vượt trội về chất lượng, khi hội nhập sâu, thuế nhập khẩu về 0% thì các sản phẩm chăn nuôi nước ngoài ò ạt tràn vào thị trường trong nước là điều tất yếu, cạnh tranh sẽ rất gay gắt với sản phẩm chăn nuôi trong nước.

Thiếu thông tin về hội nhập kinh tế ở nhiều địa phương và nhiều doanh nghiệp. Mặc dù Việt Nam đã và đang tham gia ký kết và đàm phán rất nhiều các hiệp định thương mại song phương và đa phương, nhưng các thành phần kinh tế chăn nuôi vẫn còn mơ hồ về mức độ ảnh hưởng và thách thức tới ngành chăn nuôi.

3.4. Giải pháp phát triển ngành chăn nuôi trong bối cảnh hội nhập

3.4.1. Nhóm giải pháp về kỹ thuật

Giải pháp về giống vật nuôi. Cần nhanh chóng củng cố và làm tốt khâu giống vật nuôi, tận dụng lợi thế giống vật nuôi bản địa. Khuyến khích nhập giống ông bà, bố mẹ năng suất cao, phù hợp chăn nuôi công nghiệp, quy mô lớn, công nghệ cao, tạo ra có thể cạnh tranh để hạn chế sản phẩm nhập khẩu.

Giải pháp về thức ăn chăn nuôi. Quản lý chặt chẽ việc sản xuất thức ăn chăn nuôi, đảm bảo chất lượng đúng như công bố với giá bán hợp lý, có sự kiểm soát của quản lý nhà nước về khung giá bán, về tỷ lệ chiết khấu cho đại lý, về tỷ lệ trích khấu hao nhằm hài hòa, hợp lý giá thành, giá bán thức ăn chăn nuôi theo hướng không cao hơn các nước trong khu vực có điều kiện tương tự. Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm việc cố tình sử dụng các chất cấm, lam dụng thuốc kháng sinh. Đối với các trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi quy mô lớn và có điều kiện về vốn, quản lý... nên khuyến khích tự sản xuất thức ăn chăn nuôi, tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương, góp phần hạ giá thành... Khuyến khích bằng chính sách phù hợp để khuyến khích các doanh nghiệp, địa phương trồng cây làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, đảm bảo giá cạnh tranh nhằm hạn chế nhập khẩu, góp phần tiết kiệm nguồn nước ngọt so với trồng lúa và khuyến khích trồng cỏ làm thức ăn gia súc...

Giải pháp về thú y: Cần chủ động không chế dịch bệnh nguy hiểm trên gia súc, gia cầm. Xây dựng thành công vùng chăn nuôi lợn và gia cầm an toàn dịch bệnh đã được Bộ NN&PTNT quy hoạch và nhân thêm nhiều vùng an toàn dịch bệnh khác ở các vùng chăn nuôi trọng điểm, có lợi thế để chăn nuôi xuất khẩu. Kiểm tra chặt chẽ sản phẩm nhập lậu qua biên giới, có chế tài xử lý nghiêm khắc hơn việc nhập lậu động vật sống và sản phẩm động vật bằng tiểu ngạch. Tiếp tục rà soát để loại bỏ

các khoản phí, lệ phí thú y không phù hợp, góp phần giảm chi phí sản xuất nhưng vẫn đảm bảo quản lý tốt việc phòng chống dịch bệnh. Bổ sung các quy định trong công tác kiểm tra vệ sinh thú y và xử lý môi trường chăn nuôi. Xây dựng hàng rào kỹ thuật nhằm kiểm soát chặt chẽ và nghiêm túc thịt và phụ phẩm nhập khẩu.

Giải pháp về giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi: Từng địa phương phải xây dựng lộ trình để xây mới và nâng cấp các cơ sở giết mổ công nghiệp, tập trung giảm dần các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, không bảo đảm vệ sinh thú y. Quản lý chặt chẽ các cơ sở giết mổ về vệ sinh thú y, xử lý môi trường, xóa bỏ các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, kém vệ sinh.

3.4.2. Nhóm giải pháp về tổ chức sản xuất và thị trường đầu ra

Tổ chức sản xuất theo liên kết chuỗi giá trị trong chăn nuôi, lựa chọn hình thức liên kết phù hợp và hiệu quả. Đây là giải pháp đột phá trong tái cơ cấu ngành chăn nuôi. Các hình thức tổ chức liên kết như: liên kết dọc, liên kết ngang. Hiện nay, liên kết chuỗi chưa đạt hiệu quả mong muốn, nhiều địa phương vẫn chỉ ở dạng mô hình, bên cạnh đó, nhà nước chưa có cơ chế chính sách khuyến khích phát triển chuỗi liên kết.

Thu hút đầu tư trong ngành chăn nuôi từ doanh nghiệp trong nước và từ doanh nghiệp nước ngoài. Khuyến khích đầu tư chăn nuôi công nghệ cao. Dưới các hình thức như chính sách ưu đãi của nhà nước, của các đơn vị tín dụng.

Nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ: Trong thời gian tới chăn nuôi nông hộ vẫn là hình thức chăn nuôi có tỷ lệ lớn. Do vậy, chăn nuôi nông hộ cần được hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, hộ trợ tiếp cận thị trường, được đào tạo, tập huấn theo phương thức cầm tay chỉ việc. Nông hộ cần được nâng cao nhận thức về chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap, chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi công nghệ cao, truy suất nguồn gốc...

Tổ chức các chương trình đào tạo nguồn

nhân lực cho ngành chăn nuôi gồm các bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề. Chú trọng đào tạo đội ngũ trại trường và cán bộ làm công tác thị trường và xúc tiến thương mại.

Tăng cường tổ chức các hội chợ xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế nhằm mở rộng thị trường và tận dụng mọi cơ hội để xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các thông tin, kiến thức về các cam kết của Việt Nam trong các Hiệp định thương mại tự do. Cụ thể như: thông qua truyền thanh, truyền hình, công văn, thông báo gửi tới các hộ, các cơ sở chăn nuôi.

3.4.3. Nhóm giải pháp về chính sách

Chính phủ cần có nhiều cơ chế tín dụng hỗ trợ cho ngành chăn nuôi phát triển, giải quyết khâu vốn cho chăn nuôi.

Bộ NN&PTNT cùng bộ tài chính cần tiếp tục rà soát và xóa bỏ các khoản phí, lệ phí chăn nuôi, thú y không hợp lý, chồng chéo... Bên cạnh đó Bộ NN&PTNT cần đề xuất, kiến nghị với Chính phủ sớm ban hành các chính sách khuyến khích phát triển các chuỗi liên kết giá trị trong chăn nuôi, bổ sung các chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ.

Ngành chăn nuôi cần xây dựng hàng rào kỹ thuật trong phòng vệ thương mại khi hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới nhằm bảo vệ sản xuất trong nước.

Các cơ quan, ban, ngành cần sớm tuyên truyền, phổ biến, tọa đàm về hội nhập sâu của nền kinh tế khi gia nhập các hiệp định thương mại tự do.

Các địa phương cần đẩy mạnh tái cơ cấu chăn nuôi tại địa phương, khuyến khích phát triển chuỗi liên kết giá trị trong chăn nuôi ở địa phương. Các địa phương cần đẩy mạnh tuyên truyền, thông tin về hội nhập kinh tế.

IV. KẾT LUẬN

Việt Nam tham gia ký kết các Hiệp định thương mại tự do đã mang lại cho ngành chăn

nuôi nhiều cơ hội và thách thức gay gắt. Trong bối cảnh mới, ngành chăn nuôi cần thực hiện đồng bộ những giải pháp về kỹ thuật, tổ chức sản xuất, tiêu thụ nhằm hoàn thiện và đương đầu với thử thách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Chung Khanh (2015), Hiệp định thương mại tự do (FTAs) và các cam kết đối với ngành chăn nuôi, Hội thảo Tác động của TPP và hội nhập kinh tế tới ngành chăn nuôi Việt Nam.

2. Lê Bá Lịch (2015), Các giải pháp để ngành thức ăn chăn nuôi Việt Nam chủ động hội nhập kinh tế, Hội thảo Tác động của TPP và hội nhập kinh tế tới ngành chăn nuôi Việt Nam.

3. Đoàn Xuân Trúc (2015), Tác động của hội nhập kinh tế tới ngành chăn nuôi Việt Nam và các giải pháp chủ động hội nhập, Hội thảo Tác động của TPP và hội nhập kinh tế tới ngành chăn nuôi Việt Nam.

4. Website của Ban Thư ký Trung tâm WTO và Hội nhập.

5. Website của Tổng cục Thống kê.

VIETNAM'S ANIMAL HUSBANDRY IN THE CONTEXT OF INTEGRATION DIFFICULTIES AND SOLUTIONS

Vo Thi Phuong Nhung¹, Do Thi Thuy Hang²

^{1,2}Vietnam National University of Forestry

SUMMARY

Vietnam has been signed 11 trade agreements, and there are five more FTA in the negotiating process and both bilateral and multilateral. In the setting of Vietnam participating more deeply and widely in international integration, all commercial business lines and sectors each has its certain advantages and opportunities, together with constraints and challenges. Our country's animal husbandry industry has been developing quite slowly, and now they have to face many more harsh trials yet. Before the context, the author has evaluated characteristics of the livestock industry in Vietnam, thus pointed out the opportunities and challenges in the context of integration which the author has given a number of technical solutions, productive organization, output markets and policy to help Vietnam's animal husbandry integrates more actively.

Keywords: Husbandry, integration, solution.

Ngày nhận bài : 07/11/2016

Ngày phản biện : 07/12/2016

Ngày quyết định đăng : 20/01/2017